

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày: 26-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doanh Thiêm Vân;

Ông Đồng Phúc Nghiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1963 tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn Nà Lạn, xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 3/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1922 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1924 (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 và 02 con (con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: năm 2002, bị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách về tội: “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, đã chấp hành xong thời gian thử thách, không phạm tội mới trong thời gian thử thách, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/7/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B* : Ông Sầm Văn Kính - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Nghề nghiệp: Làm ruộng - Trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08 tháng 3 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vừa đuổi trâu vào chuồng xong khi nhìn xuống ao dưới nhà B thì thấy ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (là em ruột của vợ B) ở cùng thôn với B đang ở dưới ruộng lúa của ông T gần ao của gia đình B. Thấy như vậy B đã nói với ông T là không cho ông T chặn nước vào ruộng của ông T mà để nước chảy xuống ao của B. Sau đó B đi xuống để xem nước ao, khi đến đường rẽ xuống ao thì thấy ông T đi từ ruộng lên đường dân sinh, khi lên sắp đến đường thì T có cầm theo một đoạn gậy tre, khi ông T vừa lên đến đường dân sinh thì gặp B, hai bên có xảy ra xô xát, đùn đẩy nhau, rồi ông T sử dụng đoạn gậy tre đập một phát vào đầu gối chân trái của B khiến B ngòl sụp xuống. Bị đau B chạy về nhà thì thấy hàng rào có đoạn gậy nhưng do đã bị buộc chặt nên không lấy ra được, sau đó lên sân nhà thấy có một con dao loại dao tông ở trên thành tường sân nhà B nên B đã cầm lấy con dao chạy đến chỗ ông T mục đích là để dọa ông ông T, nhưng khi gặp nhau giữa B và T lại xảy ra tranh cãi, giằng co trong lúc giằng co B đã cầm con dao tông chém một nhát vào mặt trong cẳng tay trái của ông Toàn gây thương tích, bị chém ông T bỏ đoạn gậy tre xuống lấy tay phải cầm bóp vết thương rồi đi về hướng nhà mình, sau đó được Hoàng Văn H, sinh năm 1987 là người cùng thôn và Nguyễn Xuân Đ anh trai ruột băng bó vết thương và đưa đi cấp cứu. Còn về phía Nguyễn Văn B sau khi chém ông T xong, B cũng bỏ con dao tông lại rồi quay về nhà.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T khai nhận: Nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo dùng dao chém gây thương tích cho ông Nguyễn Văn T là do tranh chấp nguồn nước vào ao cá của B và vào ruộng của ông T từ trước, trong quá trình tranh cãi có sự xô xát, tranh cãi nên ông T sử dụng đoạn gậy tre đập vào chân trái của bị cáo B, sau đó bị cáo Bằng chạy về nhà lấy con dao tông chém một nhát vào mặt trong cẳng tay trái của Toàn dẫn đến bị thương tích.

Sau khi sự việc xảy ra gia đình ông Nguyễn Văn T trình báo sự việc đến Công an xã Hiệp Lực để giải quyết. Quá trình làm việc Công an xã B thu giữ một con dao tông màu đen B sử dụng để chém T và một đoạn gậy tre tròn T sử dụng đánh B.

Để xác định tỷ lệ thương tật, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn đã ra quyết định giám định số 13/CSĐT ngày ngày 18/3/2020 trung

cầu Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Kạn để giám định tỷ lệ thương tật đối với Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 68/TgT ngày 19/3/2020 của Trung tâm pháp y (Sở y tế Bắc Kạn) kết luận: Tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 52,29% (năm mươi hai phẩy hai chín phần trăm), làm tròn số là 52% (năm mươi hai phần trăm).

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSNS, ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội: “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị tuyên xử bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1. Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1 + 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đã giải quyết xong trước khi xét xử do vậy không đề nghị xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tịch thu, tiêu hủy 01 (một) đoạn gậy tre tròn màu vàng nâu (màu cát), dài 170cm, đường kính lớn nhất là 07cm, đường kính nhỏ nhất là 6,5cm; tại các mấu mắt có các cành tre đã bị chặt, cành dài nhất là 06cm; đoạn thân tre có dán giấy niêm phong chứa một chữ ký không đọc được, một dòng chữ "Mã Văn Liêm", một dấu đỏ của Công an xã B, một chữ "T", một dòng chữ "Nguyễn Văn T"; 01 (một) con dao tông màu đen, dài 35cm, phần lưỡi sắc dài 24cm, tay cầm dài 11cm, phần thân dao dài nhất là 08cm, ngắn nhất là 06cm, phần cuối thân dao có một lỗ tròn đường kính 01cm; đoạn thân dao có chất màu đỏ đậm (màu đỏ hạt dẻ) bám dính; thân dao có dán giấy niêm phong chứa một chữ ký không đọc được, một dòng chữ "Mã Văn Liêm", một dấu đỏ của Công an xã B, một dòng chữ "B", một dòng chữ "Nguyễn Văn B".

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với tội danh và điều khoản, tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án là 03 năm tù, là mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị; Về trách nhiệm dân sự và án phí xét hai bên gia

đình đã thỏa thuận về việc không yêu cầu bồi thường dân sự, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát và không có ý kiến gì bổ sung.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Do trước đó đã có tranh chấp nguồn nước vào ao cá và ruộng, nên ngày 08/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn B (sinh năm 1963 trú tại thôn A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn) và em ruột của vợ mình ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1973, ở cùng thôn với bị cáo) đã xảy ra xô xát, tranh cãi nhau, trong lúc tranh cãi nhau, ông Toàn đã sử dụng một đoạn gậy tre đập một phát vào đầu gối chân trái của bị cáo B, làm cho B quy xuống, do bị đau và bức tức vì bị đánh, bị cáo B đã chạy về nhà dùng dao (loại dao tông) màu đen, dài 35cm chém một phát vào mặt trong cẳng tay trái của T, gây tỷ lệ thương tật là 52,29% (năm mươi hai phẩy hai chín phần trăm), làm tròn số là 52% (năm mươi hai phần trăm) theo kết luận giám định của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn. Tại Nghị quyết số: 01/NQ - HĐTP ngày 12/5/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm” thì con dao mà Nguyễn Văn B dùng để gây thương tích là hung khí nguy hiểm.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Vì vậy, Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân sơn ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra

và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội: “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

...;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) ...;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ...;

c). Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...;

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo có bản bảo chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng người bào chữa đã đưa ra được các chứng cứ chứng minh về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và những lời bào chữa nêu trên là có căn cứ và cần được chấp nhận. Về hình phạt, việc người bào chữa đề nghị xử bị cáo dưới khung hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là có cơ sở và cần được chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tại phiên tòa nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát và không có ý kiến bổ sung gì.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và trước phiên tòa, bị cáo đã bồi thường toàn bộ phần trách nhiệm dân sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ hành vi trái pháp luật của người bị hại là ông Nguyễn Văn T. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

Xét tính chất, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù tại trại giam một thời gian nhất định, qua đó mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng, bản thân bị cáo không tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn hận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, hành vi phạm tội xuất phát từ hành vi trái pháp luật của người bị hại, tại phiên tòa người bị hại cũng đã thừa nhận việc bị cáo gây thương tích cho bị hại là xuất phát từ nguyên nhân bị hại đã có hành vi dùng gậy tre đánh vào chân của bị cáo trước, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ thân thích, là em cậu với anh rể, sự việc xảy ra giữa các bên là do hiểu biết pháp luật hạn chế, nhất thời bộc phát và ngoài mong muốn, sau khi sự việc xảy ra, giữa các bên đã nhìn nhận vấn đề và kịp thời khắc phục hậu quả, do vậy phần nào tính nghiêm trọng của sự việc đã được kịp thời ngăn chặn. Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), vì vậy cần xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo theo khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo, như vậy vẫn đảm bảo tính răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và cộng đồng. Điều đó cũng thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội, thể hiện chính sách pháp luật phù hợp với người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, cũng để giữ gìn tình đoàn kết, anh em, họ hàng giữa gia đình bị cáo và gia đình bị hại.

[5] Về trách nhiệm dân sự

Trước khi xét xử, giữa bị hại và bị cáo đã giải quyết xong và tại phiên tòa không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Quá trình điều tra thu giữ:

- 01 đoạn gậy tre hình tròn màu vàng nâu (màu cát), dài 170cm, đường kính lớn nhất là 07cm, đường kính nhỏ nhất là 6,5cm, tại các mấu mắt có các cành tre đã bị chặt, cành dài nhất là 06cm, đoạn thân tre có dán niêm phong có một chữ ký không đọc được, một dòng chữ “Mã văn Liêm”, một chữ “T”, một dòng chữ “Nguyễn Văn T” và một dấu tròn đỏ của Công an xã B;

- 01 con dao tông màu đen, dài 35cm, phần lưỡi sắc dài 24cm, tay cầm dài 11cm, phần lưỡi dao rộng nhất là 08cm, hẹp nhất là 06cm, phần trên góc cuối lưỡi dao có một lỗ tròn đường kính 01cm, đoạn thân dao có chất màu đỏ đậm (màu đỏ hạt dẻ) bám dính tại thời điểm tạm giữ, thân dao có dán giấy niêm

phong có một chữ ký không đọc được, một dòng chữ “ Mã Văn Liêm, một chữ Bằng, một dòng chữ “Nguyễn Văn B” và một dấu tròn đỏ của Công an xã B.

Xét những vật chứng nêu trên là những tang vật mà bị cáo và người bị hại sử dụng vào hành vi trái pháp luật do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, Điều 47, điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy

2.1. 01 đoạn gậy tre hình tròn màu vàng nâu (màu cát), dài 170cm, đường kính lớn nhất là 07cm, đường kính nhỏ nhất là 6,5cm, tại các mấu mắt có các cành tre đã bị chặt, cành dài nhất là 06cm, đoạn thân tre có dán niêm phong có một chữ ký không đọc được, một dòng chữ “Mã văn Liêm”, một chữ “T”, một dòng chữ “Nguyễn Văn T” và một dấu tròn đỏ của Công an xã Hiệp Lực;

2.2. 01 con dao tông màu đen, dài 35cm, phần lưỡi sắc dài 24cm, tay cầm dài 11cm, phần lưỡi dao rộng nhất là 08cm, hẹp nhất là 06cm, phần trên góc cuối lưỡi dao có một lỗ tròn đường kính 01cm, đoạn thân dao có chất màu đỏ đậm (màu đỏ hạt dẻ) bám dính tại thời điểm tạm giữ, thân dao có dán giấy niêm

phong có một chữ ký không đọc được, một dòng chữ “ Mã Văn Liêm, một chữ B, một dòng chữ “Nguyễn Văn B” và một dấu tròn đỏ của Công an xã B.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2020 giữa Công an huyện Ngân Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).

3. Về án phí: Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện (khi án có hiệu lực);
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Phúc Nghiêן Doanh Thiêm Vân

Nguyễn Thái Công

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Phúc Nghiê

Doanh Thiêm Vân

Nguyễn Thái Công

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền 45.145.000 đồng bao gồm các khoản sau:

- Mua một số dụng cụ sinh hoạt khi nằm viện: 75.000 đồng;

- Tiền ăn uống những ngày nằm viện: 1.170.000 đồng.
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút sau khi ra viện do bị mất 27% với tổng số 45 ngày x 400.000 đồng = 18.000.000 đồng.
- Thu nhập thực tế của người bị thiệt hại khi đang điều trị; thu nhập thực tế sau khi ra viện không lao động được là: 10.300.000 đồng.
- Chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong bệnh viện (tiền ăn; thu nhập bị mất sau khi ra viện phải chăm sóc) là 4.000.000 đồng).
- Chi phí đi lại của người phục vụ là 600.000 đồng
- Bù đắp tổn thất về tinh thần là 15.000.000 đồng.

Nhưng trừ đi số tiền 7.500.000 đồng mà bị cáo Trung đó bồi thường trước đó.

Bị hại Hoàng Văn Hạnh trước phiên tòa có đơn yêu cầu trước khi mở phiên tòa như sau:

Mục chi	Chi tiết mục chi	Số tiền	Ghi chú
1. Chi phí cứu chữa (đồ dùng sinh hoạt và tiền ăn uống)	Chậu rửa	25.000	
	Khăn mặt	10.000	
	Bàn chải đánh răng	20.000	
	Dép	20.000	
	Tiền ăn	700.000	70.000/ngày x10 ngày
	Tiền mua sữa	270.000	27.000 x 10 vi
	Tiền mua hoa quả	200.000	10kg
2. Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút sau khi ra viện do bị mất 27% sức khỏe		18.000.000	45 ngày x400.000đ
3. Thu nhập thực tế bị mất	Thu nhập thực tế bị mất khi đang điều trị	1.300.000	10 ngày x (200.000 đồng/ngày - 70.000 đồng/ngày)
	Thu nhập thực tế bị mất sau khi ra	9.000.000	45 ngày x 200.000 đồng/ngày

	viện về không lao động được		
4. Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị (bà Nông Thị Bày)	Tiền ăn	350.000	5 ngày x 70.000
	Thu nhập bị mất	650.000	5 ngày x (200.000 đồng/ngày - 70.000đồng/ngày)
	Thu nhập bị mất sau khi ra viện phải chăm sóc	4.000.000	20 ngày x200.000 đồng/ngày
5. Thiệt hại khác	Chi phí đi lại những ngày điều trị của bà Bày	600.000	3 lần x 200.0000 (Từ Nà Phặc xuống Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn
	Chi phí giám định sức khỏe	400.000	
	Chi phí đi lại Công an lấy lời khai	700.000	06 lần từ Nà Phặc lên huyện Ngân Sơn
6. Thiệt hại do chi phí đi học 02 tháng để đi Đài Loan	Học phí	2.500.000	
	Tiền bảo đảm đơn hàng	3.500.000	
	Tiền ăn học 02 tháng	6.000.000	
	Tiền thuê trọ học	2.000.000	
7. Tiền bù đắp tổn thất tinh thần		15.000.000	
Tổng cộng		65.245.000	

